

Số: 25/2021/VSC

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2021

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Container Việt Nam (mã chứng khoán: VSC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên **Báo cáo tài chính riêng sau kiểm toán** như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch giảm	Tỷ lệ giảm (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	85,378,566,388	146,632,646,730	61,254,080,342	41,77

Nguyên nhân chủ yếu:

Từ đầu năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp Cảng Viconship được chuyển giao sang Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh, do vậy BCTC Riêng năm 2020 của VSC không còn khoản doanh thu và lợi nhuận từ Xí nghiệp Cảng Viconship. Bên cạnh đó, phần thu nhập khác tại năm 2020 giảm nhiều so với năm 2019. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm 61,254,080,342 đồng, tương ứng với giảm 41,77% so với cùng kỳ năm 2019.

Trân trọng.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Tiến

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT, TCKT



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0200453688

ngày 11 tháng 7 năm 2019

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 11 tháng 7 năm 2019.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Duy	Thành viên (từ ngày 19/6/2020)
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên (từ ngày 19/6/2020)
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên (từ ngày 19/6/2020)
Bà Đặng Trần Gia Thoại	Thành viên (từ ngày 19/6/2020)
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên (đến ngày 18/6/2020)
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên (đến ngày 18/6/2020)
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên (đến ngày 18/6/2020)
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên (đến ngày 18/6/2020)

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng (đến ngày 30/6/2020)
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật

**Trụ sở đăng ký**

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 8 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00193-21-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2021

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

HA  
P.P.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>312.617.935.178</b>	<b>420.288.093.958</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>214.950.878.788</b>	<b>183.968.394.573</b>
Tiền	111		36.872.340.406	100.522.622.192
Các khoản tương đương tiền	112		178.078.538.382	83.445.772.381
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	1.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>85.459.811.142</b>	<b>215.957.868.264</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	24.132.891.501	68.319.768.482
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		97.711.590	552.493.695
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	12.686.407.947	55.845.368.923
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	48.861.128.625	91.558.565.685
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(318.328.521)	(318.328.521)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>466.822.694</b>	<b>7.724.368.568</b>
Hàng tồn kho	141		466.822.694	7.724.368.568
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.740.422.554</b>	<b>12.637.462.553</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13(a)	10.740.422.554	12.637.462.553

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.033.632.247.755</b>	<b>1.046.182.110.804</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>17.784.015.594</b>	<b>77.234.482.975</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	17.784.015.594	77.181.482.975
Phải thu dài hạn khác	216		-	53.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.981.972.864</b>	<b>72.587.746.141</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	17.423.363.082	66.280.361.819
Nguyên giá	222		67.750.195.941	430.217.930.348
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.326.832.859)	(363.937.568.529)
Tài sản cố định vô hình	227	9	5.558.609.782	6.307.384.322
Nguyên giá	228		6.099.124.701	12.528.615.791
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(540.514.919)	(6.221.231.469)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10(b)</b>	<b>992.653.707.286</b>	<b>882.653.707.286</b>
Đầu tư vào công ty con	251		895.075.000.000	785.075.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		97.423.707.286	97.423.707.286
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		155.000.000	155.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>212.552.011</b>	<b>13.706.174.402</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	212.552.011	13.706.174.402
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.346.250.182.933</b>	<b>1.466.470.204.762</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>76.846.701.380</b>	<b>121.356.734.997</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>76.816.701.380</b>	<b>121.326.734.997</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	15.148.422.953	37.092.530.649
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.283.536.085	960.299.083
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13(b)	1.847.219.189	6.772.651.179
Phải trả người lao động	314		5.768.734.921	16.820.012.591
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	165.899.880
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	36.450.110.455	35.718.689.779
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	15	16.318.677.777	23.796.651.836
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		30.000.000	30.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.269.403.481.553</b>	<b>1.345.113.469.765</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>1.269.403.481.553</b>	<b>1.345.113.469.765</b>
Vốn cổ phần	411	17	551.227.980.000	551.227.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		551.227.980.000	551.227.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		36.141.891.246	36.141.891.246
Quỹ đầu tư phát triển	418	19	646.734.369.757	646.734.369.757
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.299.240.550	111.009.228.762
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		32.604.871.162	8.474.820.432
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.694.369.388	102.534.408.330
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.346.250.182.933</b>	<b>1.466.470.204.762</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đoàn Thị Phương Thảo  
Kế toán viên

Người duyệt:



Lê Thế Trung  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>117.419.259.674</b>	<b>594.640.734.409</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>22</b>	<b>106.472.440.025</b>	<b>492.751.174.213</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>10.946.819.649</b>	<b>101.889.560.196</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	86.474.363.929	78.427.565.714
Chi phí tài chính	22		59.820.936	35.583.038
Chi phí bán hàng	25		40.000.000	207.982.097
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	13.541.287.946	20.580.479.421
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>83.780.074.696</b>	<b>159.493.081.354</b>
Thu nhập khác	31		3.699.544.938	9.567.672.138
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31)</b>	<b>40</b>		<b>3.699.544.938</b>	<b>9.567.672.138</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>87.479.619.634</b>	<b>169.060.753.492</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>26</b>	<b>2.101.053.246</b>	<b>22.428.106.762</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>85.378.566.388</b>	<b>146.632.646.730</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Đoàn Thị Phương Thảo  
Kế toán viên

Người duyệt:


Lê Thế Trung  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>87.479.619.634</b>	<b>169.060.753.492</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	5.360.039.190	23.039.041.602
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(207.009.808)	(58.830.529)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(86.212.580.076)	(78.561.085.928)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>6.420.068.940</b>	<b>113.479.878.637</b>
Biến động các khoản phải thu	09	58.568.593.162	(39.662.190.755)
Biến động hàng tồn kho	10	7.257.545.874	(2.136.884.651)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	13.590.181.421	51.594.161.434
Biến động chi phí trả trước	12	13.493.622.391	(5.006.664.735)
		<b>99.330.011.788</b>	<b>118.268.299.930</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.677.293.187)	(22.408.051.613)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(19.734.974.059)	(21.661.249.840)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>72.917.744.542</b>	<b>74.198.998.477</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.578.631.818)	(11.925.547.273)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	481.818.180
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.000.000.000)	(19.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24	102.556.428.357	41.072.204.181
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(64.175.634.095)	(30.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức	27	70.736.030.872	63.972.639.819
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>106.538.193.316</b>	<b>44.601.114.907</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền trả cổ tức	36	(148.686.780.300)	(119.156.279.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(148.686.780.300)</b>	<b>(119.156.279.700)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>30.769.157.558</b>	<b>(356.166.316)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	183.968.394.573	184.263.314.045
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	213.326.657	61.246.844
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b> (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	<b>70</b>	<b>214.950.878.788</b>	<b>183.968.394.573</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đoàn Thị Phương Thảo  
Kế toán viên

Người duyệt:



Lê Thế Trung  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



# Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### (b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 7 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2020: 6 công ty con và 3 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 10(b).

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Văn phòng Công ty Cổ phần Container Việt Nam, Xí nghiệp Cảng Viconship và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp vốn vào công ty con mới được thành lập là Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh (Thuyết minh 10(b)). Trong năm hầu hết các hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp Cảng Viconship của Công ty được chuyển giao sang công ty-con mới này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 70 nhân viên (1/1/2020: 276 nhân viên).



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                            |            |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị      | 3 – 7 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển   | 3 – 10 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng        | 3 – 5 năm  |

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM  
TÀI CHÍNH

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

QUẢN LÝ  
G T  
M H  
M C  
A -



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.





**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(p) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	488.428.845	1.722.410.743
Tiền gửi ngân hàng	36.383.911.561	98.800.211.449
Các khoản tương đương tiền	178.078.538.382	83.445.772.381
	<hr/>	<hr/>
	214.950.878.788	183.968.394.573
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Khách hàng là các bên liên quan</b>		
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	6.541.529.291	3.343.544.469
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	4.523.259.098	5.319.179.571
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	2.114.268.985	9.567.212.545
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	833.853.883	2.241.169.083
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	20.964.857	-
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	-	33.000.000
<b>Khách hàng là các bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần CMA - CGM Việt Nam	1.118.423.801	2.349.220.930
Công ty TNHH APL - NOL Việt Nam	111.595.953	2.659.469.077
Công ty Cổ phần Transimex	-	3.918.375.078
Cheng Lie Navigation Company - Chi nhánh của APL Co., Pte. Ltd	91.976.210	3.234.382.291
Công ty TNHH Cosco Shipping Lines Việt Nam	25.837.920	9.929.907.351
Công ty TNHH Namsung Shipping Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	-	3.243.656.785
Công ty TNHH S5 ASIA	-	2.161.725.597
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	-	1.823.386.814
Công ty Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas)	-	1.685.807.094
Công ty TNHH KMTC Việt Nam	-	1.381.836.549
Yang Ming Marine Transport Corporation	-	1.155.106.752
Các khách hàng khác	8.751.181.503	14.272.788.496
	24.132.891.501	68.319.768.482

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Phải thu về cho vay**

	31/12/2020			1/1/2020		
	Ngắn hạn VND	Dài hạn VND	Tổng cộng VND	Ngắn hạn VND	Dài hạn VND	Tổng cộng VND
<b><i>Phải thu về cho vay các công ty con</i></b>						
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP						
▪ Khoản gốc cho vay	-	-	-	28.544.925.898	15.272.462.949	43.817.388.847
Công ty Cổ phần Container Miền Trung (i)						
▪ Khoản gốc cho vay	3.105.263.168	6.421.052.636	9.526.315.804	3.368.421.047	11.315.789.483	14.684.210.530
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh (ii)						
▪ Khoản gốc cho vay	4.040.404.039	1.666.666.660	5.707.070.699	4.040.404.044	5.707.070.699	9.747.474.743
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (iii)						
▪ Khoản gốc cho vay	5.540.740.740	9.696.296.298	15.237.037.038	19.891.617.934	44.886.159.844	64.777.777.778
	<b>12.686.407.947</b>	<b>17.784.015.594</b>	<b>30.470.423.541</b>	<b>55.845.368.923</b>	<b>77.181.482.975</b>	<b>133.026.851.898</b>

- (i) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi cộng 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 33 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- (ii) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Vietcombank công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi. Trong đó, các khoản cho vay được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 30 tháng và 54 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Vietcombank công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi cộng 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 48 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

**7. Phải thu ngắn hạn khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	42.387.615.739	58.066.637.967
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay	741.182.640	1.858.123.182
Các khoản chi hộ hãng tàu	1.133.599.816	15.483.939.270
Phải thu khác	4.598.730.430	16.149.865.266
	<hr/>	<hr/>
	48.861.128.625	91.558.565.685
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan:**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khác từ các công ty con</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	29.020.191.760	41.033.191.760
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	13.367.423.979	15.295.706.471
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	2.819.750.000	16.309.608.139
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	1.823.456.190	929.391.200
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	863.512.253
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	-
	<hr/>	<hr/>
	47.030.821.929	74.431.409.823
Các bên thứ ba	1.830.306.696	17.127.155.862
	<hr/>	<hr/>
	48.861.128.625	91.558.565.685
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Dụng cụ văn phòng VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	165.508.764.190	24.308.334.546	238.288.264.547	2.112.567.065	430.217.930.348
Tăng trong năm	-	-	1.265.781.818	312.850.000	1.578.631.818
Góp vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	(143.723.960.957)	(23.873.687.546)	(195.449.394.156)	(999.323.566)	(364.046.366.225)
Số dư cuối năm	21.784.803.233	434.647.000	44.104.652.209	1.426.093.499	67.750.195.941
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	144.882.776.498	10.846.266.139	206.449.350.200	1.759.175.692	363.937.568.529
Khấu hao trong năm	1.289.619.216	168.999.984	3.649.263.618	175.611.888	5.283.494.706
Góp vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	(132.563.348.210)	(10.580.619.123)	(174.750.939.477)	(999.323.566)	(318.894.230.376)
Số dư cuối năm	13.609.047.504	434.647.000	35.347.674.341	935.464.014	50.326.832.859
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	20.625.987.692	13.462.068.407	31.838.914.347	353.391.373	66.280.361.819
Số dư cuối năm	8.175.755.729	-	8.756.977.868	490.629.485	17.423.363.082

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản với nguyên giá 29.182 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 265.677 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	5.417.853.001	7.110.762.790	12.528.615.791
Góp vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	(6.429.491.090)	(6.429.491.090)
Số dư cuối năm	5.417.853.001	681.271.700	6.099.124.701
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	6.221.231.469	6.221.231.469
Khấu hao trong năm	-	76.544.484	76.544.484
Góp vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	(5.757.261.034)	(5.757.261.034)
Số dư cuối năm	-	540.514.919	540.514.919
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	5.417.853.001	889.531.321	6.307.384.322
Số dư cuối năm	5.417.853.001	140.756.781	5.558.609.782

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản với nguyên giá 299 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 966 triệu VND).

**10. Đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	-

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	31/12/2020			Giá gốc (*) VND	1/1/2020			Giá gốc (*) VND
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>									
<b>Công ty con</b>									
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Hải Phòng		100%	100%	70.000.000.000		100%	100%	70.000.000.000
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Đà Nẵng	1.982.500	65%	65%	19.825.000.000	1.982.500	65%	65%	19.825.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh		100%	100%	6.000.000.000		100%	100%	6.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Hải Phòng		100%	100%	90.000.000.000		100%	100%	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Hải Phòng	47.025.000	74%	74%	518.850.000.000	47.025.000	74%	74%	518.850.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	Hải Phòng	8.040.000	66%	66%	80.400.000.000	8.040.000	66%	66%	80.400.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Hải Phòng		100%	100%	110.000.000.000		-	-	-
					895.075.000.000				785.075.000.000
<b>Công ty liên kết</b>									
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	1.332.000	31%	31%	14.430.000.000	1.332.000	31%	31%	14.430.000.000
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Hải Phòng	8.820.200	22%	22%	80.991.207.286	8.820.200	22%	22%	80.991.207.286
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	Hải Phòng		30%	30%	2.002.500.000		30%	30%	2.002.500.000
					97.423.707.286				97.423.707.286
<b>Đơn vị khác</b>									
Công ty TNHH MSC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh		5%	5%	155.000.000		5%	5%	155.000.000
					992.653.707.286				882.653.707.286

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong năm, Công ty đã góp 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh – một công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0201990244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 1 tháng 11 năm 2019. Chi tiết vốn điều lệ Công ty đã góp vào công ty con này trong năm như sau:

	<b>2020</b> <b>VND</b>
Góp vốn bằng tiền mặt	64.175.634.095
Góp vốn bằng giá trị còn lại của tài sản cố định	45.824.365.905
	<hr/>
	110.000.000.000
	<hr/>

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	10.368.463.226	3.337.711.176	13.706.174.402
Tăng trong năm	56.072.728	210.911.400	266.984.128
Phân bổ trong năm	(310.343.496)	(247.847.789)	(558.191.285)
Thanh lý	(10.022.674.413)	(3.179.740.821)	(13.202.415.234)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	91.518.045	121.033.966	212.552.011
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và người bán là các bên liên quan:

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Người bán là các bên liên quan</b>		
<b>Các công ty con</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	4.720.728.515	-
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	42.644.001	336.980.001
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	7.084.000	1.051.584.600
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	2.529.856.801
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	-	2.275.538.200
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	-	180.890.000
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	-	12.481.898.444
<b>Người bán là các bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Anh Thúy	3.180.937.513	3.518.043.267
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	2.312.140.100	3.766.984.821
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	913.285.824	1.225.637.974
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	-	1.877.175.300
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Song Nguyễn	-	500.095.440
Công ty Cổ phần CMA-CGM Việt Nam	-	35.260.416
Các nhà cung cấp khác	3.971.603.000	7.312.585.385
	<b>15.148.422.953</b>	<b>37.092.530.649</b>

Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phát sinh tăng trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	12.637.462.553	8.820.786.596	(10.717.826.595)	10.740.422.554

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	255.976.154	13.766.349.160	(10.717.826.595)	(2.970.598.188)	333.900.531
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.888.148.307	2.101.053.246	-	(6.677.293.187)	311.908.366
Thuế thu nhập cá nhân	840.433.530	1.861.767.307	-	(2.323.969.932)	378.230.905
Các loại thuế khác	788.093.188	13.861.014.127	-	(13.825.927.928)	823.179.387
	6.772.651.179	31.590.183.840	(10.717.826.595)	(25.797.789.235)	1.847.219.189



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác bao gồm:**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản thu hộ hãng tàu	23.829.178.711	22.844.624.659
Phúc lợi cho các công ty con	121.027.397	1.043.700.000
Kinh phí công đoàn	1.254.406.079	1.578.351.565
Cổ tức phải trả	1.100.862.850	956.088.550
Phải trả khác	10.144.635.418	9.295.925.005
	<b>36.450.110.455</b>	<b>35.718.689.779</b>

**(b) Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan:**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	121.027.397	1.043.700.000

Khoản phải trả các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**15. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	23.796.651.836	31.780.901.676
Trích lập trong năm	9.957.000.000	11.027.000.000
Sử dụng trong năm	(17.434.974.059)	(19.011.249.840)
	<b>16.318.677.777</b>	<b>23.796.651.836</b>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1/1/2019</b>	501.123.040.000	36.141.891.246	646.734.369.757	147.425.216.432	1.331.424.517.435
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	146.632.646.730	146.632.646.730
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(11.027.000.000)	(11.027.000.000)
Cổ tức	50.104.940.000	-	-	(169.371.634.400)	(119.266.694.400)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.650.000.000)	(2.650.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2020</b>	551.227.980.000	36.141.891.246	646.734.369.757	111.009.228.762	1.345.113.469.765
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	85.378.566.388	85.378.566.388
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(9.957.000.000)	(9.957.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(148.831.554.600)	(148.831.554.600)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	551.227.980.000	36.141.891.246	646.734.369.757	35.299.240.550	1.269.403.481.553

## Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	55.122.798	551.227.980.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	55.122.798	551.227.980.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	55.122.798	551.227.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

### 18. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức cho năm 2019 tương ứng 20% mệnh giá cổ phần. Trong đó, khoản cổ tức tương ứng 8% mệnh giá cổ phần với giá trị 44.098 triệu VND đã được tạm ứng trong năm 2019 và khoản cổ tức tương ứng 12% mệnh giá cổ phần với giá trị 66.147 triệu VND đã được chi trả trong năm 2020.

Theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 9 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức cho năm 2020 tương ứng 15% mệnh giá cổ phần với giá trị 82.684 triệu VND.

### 19. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	512.842.590	3.891.736.800
Trong vòng hai đến năm năm	2.051.370.360	15.566.947.200
Sau năm năm	16.787.515.795	19.142.381.707
	<hr/>	<hr/>
	19.351.728.745	38.601.065.707
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	652.630	15.077.189.848	480.262	11.097.071.830
	<hr/>		<hr/>	

**21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	66.519.455.931	69.704.972.364
Doanh thu bốc dỡ container	12.279.407	377.905.334.055
Doanh thu lưu bãi, chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	3.566.368.599	55.201.456.102
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	47.321.155.737	91.828.971.888
	<hr/>	<hr/>
	117.419.259.674	594.640.734.409
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán	63.878.468.322	66.904.410.449
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	42.593.971.703	425.846.763.764
	<hr/>	<hr/>
	106.472.440.025	492.751.174.213

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	12.394.840.330	17.129.567.855
Cổ tức và lợi nhuận được chia	73.817.739.746	60.949.699.893
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.674.525	261.705.554
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	260.109.328	86.592.412
	<hr/>	<hr/>
	86.474.363.929	78.427.565.714

**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	9.030.450.816	9.566.525.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.227.277.513	8.696.078.942
Chi phí khác	1.283.559.617	2.317.874.539
	<hr/>	<hr/>
	13.541.287.946	20.580.479.421

**25. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	63.958.728.494	76.209.315.295
Chi phí nhân viên	18.385.285.010	59.327.658.648
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.360.039.190	23.039.041.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.119.693.415	315.826.933.390
Chi phí khác	2.229.981.862	39.136.686.796
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Thuế thu nhập****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	87.479.619.634	169.060.753.492
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	17.495.923.927	33.812.150.698
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	202.480.193	805.896.043
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(14.763.547.949)	(12.189.939.979)
Ưu đãi thuế (*)	(833.802.925)	-
	<u>2.101.053.246</u>	<u>22.428.106.762</u>

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

- (\*) Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do có tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không quá 200 tỷ đồng trong năm 2020.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<b>Công ty con</b>		
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	32.057.206.531	37.307.502.161
Sử dụng dịch vụ	7.375.801.199	31.150.299.416
Góp vốn	-	30.000.000.000
Lợi nhuận được chia từ công ty con	12.423.294.278	13.840.797.893
Nhận tiền trả gốc vay	4.040.404.044	5.685.858.589
Lãi cho vay	514.437.261	955.663.676
<b><i>Công ty Cổ phần Container Miền Trung</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	71.635.000	39.000.000
Sử dụng dịch vụ	107.799.994	1.158.131.363
Lợi nhuận được chia từ công ty con	2.379.000.000	2.379.000.000
Cho vay	-	11.000.000.000
Nhận tiền trả gốc vay	5.157.894.726	2.255.428.946
Lãi cho vay	909.233.811	532.883.546
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	-	60.000.000
Sử dụng dịch vụ	259.751.222	870.662.535
Lợi nhuận được chia từ công ty con	1.791.195.468	690.802.000
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.751.282.640	7.698.494.511
Sử dụng dịch vụ	197.506.400	30.253.869.318
<b><i>Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.187.235.078	15.548.898.021
Sử dụng dịch vụ	404.589.013	26.739.972.382
Lợi nhuận được chia từ công ty con	8.040.000.000	-
Cho vay	-	8.000.000.000
Nhận tiền trả gốc vay	49.540.740.740	11.222.222.222
Lãi cho vay	4.112.412.520	4.977.833.621
<b><i>Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.780.543.917	35.517.398.282
Sử dụng dịch vụ	6.440.000	9.371.066.386
Lợi nhuận được chia từ công ty con	47.025.000.000	37.620.000.000
Nhận tiền trả gốc vay	43.817.388.847	21.908.694.424
Lãi cho vay	3.023.766.375	4.152.091.244

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh</b>		
Góp vốn bằng tiền	64.175.634.095	-
Góp vốn bằng giá trị còn lại của tài sản cố định	45.824.365.905	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.889.713.680	-
Sử dụng dịch vụ	3.445.886.667	-
Thanh lý vật tư	5.861.689.062	-
Thanh lý chi phí trả trước	13.202.415.234	-
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	42.690.708.700
Sử dụng dịch vụ	-	112.168.829.721
Cổ tức được chia	-	4.410.100.000
<b>Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng</b>		
Cổ tức được chia	1.998.000.000	1.864.000.000
<b>Công ty Tuyển Container T.S. Hà Nội</b>		
Sử dụng dịch vụ	-	699.324.600
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	2.942.912.182	2.993.012.599
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b>		
Thưởng	2.300.000.000	2.650.000.000

**28. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư**

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	-	50.104.940.000
Bù trừ cổ tức được nhận và các khoản phải trả	32.272.511.974	14.531.599.893
Góp vốn vào công ty con bằng tài sản cố định	45.824.365.905	-



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**


(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 29. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đoàn Thị Phương Thảo  
Kế toán viên

Người duyệt:



Lê Thế Trung  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc